

Bản án số: 413/2025/HS-PT
Ngày: 26 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 9 năm 2025 và ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1200/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo Tăng Hoàng M do có kháng cáo của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau).

- Nguyên đơn dân sự, là bị hại trong vụ án:

1. Ông Trương Quốc V, sinh năm 1958 và bà Phan Kim V1, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: số A, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

2. Ông Trang Thành L, sinh năm 1975 và bà Tô Tú Q, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: số A, Khóm E, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

3. Ông Phạm Huy K, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: số A, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Quốc V, ông Trang Thành L và ông Phạm Huy K: bà Lê Ngọc N;

Địa chỉ: Số C đường T, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Quốc V, bà Phan Kim V1, ông Trang Thanh L1, bà Tô Tú Q, ông Phạm Huy K, bà Phạm Thị H: Luật sư Nguyễn Thị G - Đoàn Luật sư thành phố C;

Địa chỉ: Văn phòng L2 - Số E H, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn dân sự:

Văn phòng C; địa chỉ: số D, P, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật: bà Cao Thị N1, chức vụ: Trưởng Văn phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Văn phòng C: Luật sư Nguyễn Duy S - thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Cà Mau).

Địa chỉ: Công ty L3 - Số D, đường L, khóm G, Phường A, thành Phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Liên Kim P, sinh năm 1959; địa chỉ: số C, Khóm F, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1965; hộ khẩu thường trú: số E đường H, Khóm B, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau); chỗ ở hiện nay: số A, đường số B, Khu dân cư T, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường V, tỉnh Cà Mau).

3. Ông Nguyễn Nhật P1, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau).

4. Bà Đoàn Mỹ D, sinh năm 1995; địa chỉ: số C, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

5. Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã S, tỉnh Vĩnh Long).

6. Bà Nguyễn Thị Thu S1, sinh năm 1966; địa chỉ: số D, N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: số D, Khóm H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau); chỗ ở hiện nay: Khóm D, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

8. Ông Phạm Thành N2, sinh năm 1985; địa chỉ: số I, đường E, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau).

9. Bà Phan Thị Thanh T4, sinh năm 1985; địa chỉ: số H, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long).

(Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt: bà Lê Ngọc N, Luật sư Nguyễn Duy S và bà Nguyễn Thị Thu S1; Các bị đơn dân sự là Văn phòng C, ông Cao Phan

Thuận H1, ông Tăng Hoàng M, ông Cao Hùng E, ông Hứa Minh T5 xin xét xử vắng mặt; Các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, T và Hoàng M nảy sinh ý định dùng “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả” (viết tắt Giấy chứng nhận giả) thế chấp cho người khác dưới hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tài sản.

Do việc ký hợp đồng phải qua thủ tục công chứng nên H chủ động gặp Cao Hùng E là nhân viên Văn phòng C thỏa thuận, Tăng Hoàng M sẽ dùng Giấy chứng nhận giả (do Phan Thị Thanh T4 làm) chuyển nhượng cho người khác, nhờ H2 Em giúp thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sẽ chia tiền cho Hùng E.

Sau khi có được Giấy chứng nhận giả, Hoàng M đưa cho H2 Em kiểm tra, nếu không bị trùng với “số phát hành sổ” được lưu trữ trên hệ thống máy tính tại Văn phòng C, M sẽ tìm người thế chấp Giấy chứng nhận giả. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/5/2017 đến ngày 15/5/2017, T, H, Hùng E và Minh T5 thực hiện hành vi lừa đảo các vụ như sau:

1. Vụ thứ 1: H nhờ ông Nguyễn Nhật P1, giúp tìm người nhận thế chấp thửa đất số 72, tờ bản đồ số 09, thuộc Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tên Lê Thanh T6, sinh năm 1979 và Phan Thị Trung T7, sinh năm 1975 đã chuyển nhượng cho Tăng Tuyết B theo Giấy chứng nhận giả số AH 883789; vợ chồng ông Trang Thành L và bà Tô Tú Q đồng ý nhận.

Ngày 06 tháng 5 năm 2017, Hoàng M nhờ bà B đến Văn phòng C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L với giá 100.000.000đ.

Cao Hùng E tiếp nhận hồ sơ, soạn thảo hợp đồng và trình bà Cao Thị N1 ký công chứng. Sau khi nhận tiền của ông L, bà B giao lại cho Hoàng M.

Sau khi nhận tiền, Hoàng M cho H2 Em 5.000.000đ, cho ông P1 8.000.000đ, trả bà B 3.000.000đ, trả tiền làm Giấy chứng nhận giả 10.000.000đ. Số tiền còn lại, M trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

2. Vụ thứ 2: Do không đủ tiền trả nợ nên Hoàng M nhờ ông P1 tìm người khác nhận thế chấp với số tiền cao hơn; vợ chồng ông Phạm Huy K và bà Phạm Thị Hòa đồng ý nhận. Sau đó, M tiếp tục nhờ ông P1 đến gặp, thỏa thuận với ông L cho nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 883789 để thế chấp cho người khác và sẽ trả lại tiền cho ông L, được ông L đồng ý.

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Hoàng M tiếp tục nhờ bà B đến Văn phòng C ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông L; đồng thời ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng

ông Phạm Huy K với giá 200.000.000đ. Cao Hùng E tiếp nhận hồ sơ, soạn thảo hợp đồng và trình bà Cao Thị N1 ký công chứng. Sau khi nhận tiền của ông K, bà B giao lại cho M.

Sau khi nhận tiền, Hoàng M trả cho ông L 100.000.000đ, cho H2 Em 15.000.000đ, cho bà B 1.000.000đ, cho ông P1 10.000.000đ. Số tiền còn lại, Hoàng M trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

3. Vụ thứ 3: T nhờ bà Liên Kim P giúp tìm người nhận thế chấp thửa đất số 336, tờ bản đồ số 22-2 thuộc Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tên Võ Thị H3, sinh năm 1965, địa chỉ: số G, đường H, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã chuyển nhượng cho Lê Thanh N3, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp A, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận giả số BY 605192; vợ chồng ông Trương Quốc V và bà Phan Kim V1 đồng ý nhận.

Ngày 24/5/2017, Thuận H1 sử dụng tên giả Lê Thanh N3 cùng vợ chồng ông Trương Quốc V đến Văn phòng C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 500.000.000đ. Phạm Thành N2 là nhân viên Văn phòng C tiếp nhận hồ sơ, soạn thảo hợp đồng và trình bà Cao Thị N1 ký công chứng.

Sau khi ký xong hợp đồng, ông V giao cho Thuận H1 475.000.000đ (trừ tiền lãi 25.000.000đ), Thuận H1 cho bà P 25.000.000đ.

Đến ngày 03/6/2017, Thuận H1 cùng bà P đến gặp ông V thỏa thuận lấy thêm 200.000.000đ, được ông V đồng ý. Ông V giao cho Thuận H1 155.000.000đ (trừ tiền lãi 25.000.000đ và 20.000.000đ làm thủ tục sang tên), Thuận H1 cho bà P 30.000.000đ.

Tổng số tiền Thuận H1 nhận của ông V là 630.000.000đ (700.000.000đ - 70.000.000đ). Sau khi trừ các khoản (làm giấy giả và cho bà P), còn lại 565.000.000đ, Hoàng M và Thuận H1 chia đôi mỗi người được 282.500.000đ. Số tiền được chia, H chia cho Hùng Em 30.000.000đ và Minh T5 20.000.000đ.

4. Vụ thứ 4: Thuận H1 nhờ ông Trần Văn T1 giúp tìm người nhận thế chấp thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 14-5, Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tên Trần Thị Kim H4, sinh năm: 1952, địa chỉ: số A, đường Đ, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã chuyển nhượng cho Lê Thanh N3 theo Giấy chứng nhận giả số BV 446812; ông Trang Thành L đồng ý nhận.

Ngày 08/6/2017, Thuận H1 sử dụng tên giả Lê Thanh N3 cùng ông L đến Văn phòng C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 800.000.000đ. Cao Hùng E tiếp nhận hồ sơ, soạn thảo hợp đồng rồi đưa cho Hứa Minh Tiến T8 bà Cao Thị N1 ký công chứng. Sau khi ký xong hợp đồng, ông L giao Hòa 775.000.000đ (trừ tiền lãi 25.000.000đ), H1 cho ông T1 15.000.000đ và ông T1 cho ông P1 8.000.000đ.

Đến ngày 11/6/2017, Thuận H1 cùng ông P1 đến gặp ông L thỏa thuận lấy thêm 100.000.000đ, được ông L đồng ý. Ông L giao cho Thuận H1 45.000.000đ (trừ tiền lãi 45.000.000đ và 10.000.000đ làm thủ tục sang tên).

Tổng số tiền Thuận H1 nhận của ông L là 820.000.000đ (900.000.000đ - 80.000.000đ). Sau khi trừ các khoản (làm giấy giả và cho ông T1), còn lại 795.000.000đ, Hoàng M và Thuận H1 chia đôi mỗi người được 397.500.000đ. Số tiền được chia, H chia cho Hùng Em 40.000.000đ và Minh T5 30.000.000đ.

5. Vụ thứ 5: T nhờ ông P1 giúp tìm người nhận thế chấp thửa đất số 1087, tờ bản đồ số 14-5, khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tên Lê Thanh H5, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp A, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang đã chuyển nhượng cho Lê Thanh N3 theo Giấy chứng nhận giả số BV 446784; vợ chồng ông Phạm Huy K đồng ý nhận.

Ngày 16/6/2017, Thuận H1 sử dụng tên giả Lê Thanh N3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông K với giá 800.000.000đ. Minh T5 đến nhà ông K nhận hồ sơ mang về Văn phòng công chứng soạn thảo hợp đồng rồi mang đến cho Thuận H1, vợ chồng ông K ký tên và trình bà Cao Thị N1 ký công chứng. Sau khi ký xong hợp đồng, ông K giao cho Thuận H1 755.000.000đ (trừ tiền lãi 45.000.000đ).

Đến ngày 09/7/2017, Thuận H1 cùng với ông P1 đến gặp ông K thỏa thuận lấy thêm 200.000.000đ, được ông K đồng ý. Ông K giao cho Thuận H1 180.000.000đ (trừ 20.000.000đ làm thủ tục sang tên), T cho ông P1 55.000.000đ. Tổng số tiền Thuận H1 nhận của ông K là 935.000.000đ (1.000.000.000đ - 65.000.000đ). Sau khi trừ các khoản (làm giấy giả và cho ông P1), còn lại 870.000.000đ, Hoàng M và Thuận H1 chia đôi mỗi người được 435.000.000đ. Số tiền được chia, H chia cho Hùng Em 40.000.000đ và Minh T5 30.000.000đ.

6. Vụ thứ 6: T nhờ ông P1 giúp tìm người nhận thế chấp thửa đất số 1042, tờ bản đồ số 15-5, khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tên Lê Thanh H5 đã chuyển nhượng cho Lê Thanh N3 theo Giấy chứng nhận giả số BV 446779; vợ chồng Trang Thành L và bà Tô Tú Q đồng ý nhận.

Ngày 28/6/2017, Thuận H1 sử dụng tên giả Lê Thanh N3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L với giá 900.000.000đ. Minh T5 đến nhà ông L nhận hồ sơ mang về Văn phòng công chứng soạn thảo hợp đồng rồi mang đến cho Thuận H1, vợ chồng ông L ký tên và trình bà Cao Thị N1 ký công chứng. Sau khi ký xong hợp đồng, ông L giao cho Thuận H1 855.000.000đ.

Đến ngày 06/7/2017, Thuận H1 cùng với ông P1 đến gặp ông L thỏa thuận lấy thêm 100.000.000đ, được ông L đồng ý. Ông L giao cho Thuận H1 45.000.000đ (trừ tiền lãi 45.000.000đ và 10.000.000đ làm thủ tục sang tên), Thuận H1 cho ông P1 50.000.000đ. Tổng số tiền Thuận H1 nhận của ông L là 900.000.000đ (1.000.000.000đ - 100.000.000đ). Sau khi trừ các khoản (làm giấy giả và cho ông P1), còn lại 840.000.000đ, Hoàng M và Thuận H1 chia đôi mỗi người được 420.000.000đ. Số tiền được chia, H chia cho Hùng Em 50.000.000đ và Minh T5 30.000.000đ.

7. Vụ thứ 7: T nhờ ông P1 giúp tìm người nhận thế chấp thửa đất số 1086, tờ bản đồ số 14-5, khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tên Lê Thanh

H5 đã chuyển nhượng cho Lê Thanh N3 theo Giấy chứng nhận giả số BV 446783; vợ chồng ông Phạm Huy K đồng ý nhận chuyển nhượng.

Ngày 03/7/2017, Thuận H1 sử dụng tên giả Lê Thanh N3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông K với giá 900.000.000đ. Minh T5 đến quán cà phê T3 Mộc 3 của ông K nhận hồ sơ mang về Văn phòng công chứng soạn thảo hợp đồng rồi mang đến cho Thuận H1, vợ chồng ông K ký tên và trình bà Cao Thị N1 ký công chứng. Sau khi ký xong hợp đồng, ông K giao cho Thuận H1 855.000.000đ (trừ tiền lãi 45.000.000đ).

Đến ngày 20/7/2017, Thuận H1 cùng ông P1 đến gặp ông K thỏa thuận lấy thêm 100.000.000đ, được ông K đồng ý. Ông K giao cho Thuận H1 35.000.000đ (trừ tiền lãi 45.000.000đ và 20.000.000đ làm thủ tục sang tên), Thuận H1 cho ông P1 45.000.000đ. Tổng số tiền Thuận H1 nhận của ông K là 890.000.000đ (1.000.000.000đ - 110.000.000đ). Sau khi trừ các khoản (làm giấy giả và cho ông P1), còn lại 835.000.000đ, Hoàng M và Thuận H1 chia đôi mỗi người được 417.500.000đ. Số tiền được chia, H chia cho Hùng Em 80.000.000đ và chia cho Minh T5 60.000.000đ.

Sau khi có được tiền từ việc phạm tội, M trả cho ông K 200.000.000đ để nhận lại Giấy chứng nhận giả tên Tăng Tuyết B và hủy bỏ. Khi phát hiện nhận cầm Giấy chứng nhận giả, lần lượt vào các ngày 28/7/2017 và ngày 03/8/2017, ông Phạm Huy K, ông Trương Quốc V và ông Trang Thành L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B trình báo sự việc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Căn cứ vào Điều 587, Điều 589, Điều 600 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 38 của Luật Công chứng:

1.1. Các nguyên đơn dân sự được nhận số tiền bồi thường tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu tổng số tiền **255.700.000đ** (195.000.000đ theo biên lai thu tiền số 005858 ngày 21 tháng 5 năm 2018; 20.000.000đ theo biên lai thu tiền số 005861 ngày 28 tháng 5 năm 2018; 20.000.000đ theo biên lai thu tiền số 005856 ngày 18 tháng 5 năm 2018; 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000042 ngày 15 tháng 2 năm 2022; 10.700.000đ trong số tiền 14.900.000đ theo biên lai thu tiền số 005867 ngày 18 tháng 7 năm 2018), cụ thể:

- Vợ chồng ông Trương Quốc V và Phan Thị V2 nhận **35.146.000đ**
- Vợ chồng ông Trang Thành L và bà Tô Tú Q nhận **111.074.000đ**
- Vợ chồng ông Phạm Huy K và bà Phạm Thị H nhận **109.480.000đ**

1.2. Số tiền còn lại phải bồi thường:

- Buộc Cao Phan Thuận H1, Tăng Hoàng M, Cao Hùng E, Hứa Minh T5 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho vợ chồng ông **Trương Quốc V** và **Phan Thị V2** số tiền **237.874.000đ** (phần nghĩa vụ của Cao Phan Thuận H1 trong nghĩa vụ

liên đới là 37.374.000đ, phần nghĩa vụ của Tăng H trong nghĩa vụ liên đới là 200.500.000đ).

- Buộc Cao Phan Thuận H1, Tăng Hoàng M, Cao Hùng E, Hứa Minh T5 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho vợ chồng ông **Trang Thành L** và bà **Tô Tú Q** số tiền **852.166.000đ** (phần nghĩa vụ của Cao Phan Thuận H1 trong nghĩa vụ liên đới là 243.666.000đ, phần nghĩa vụ của Tăng H trong nghĩa vụ liên đới là 608.500.000đ).

- Buộc Cao Phan Thuận H1, Tăng Hoàng M, Cao Hùng E, Hứa Minh T5 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông **Phạm Huy K** và bà **Phạm Thị H** số tiền **899.260.000đ** (phần nghĩa vụ của Cao Phan Thuận H1 trong nghĩa vụ liên đới là 315.760.000đ, phần nghĩa vụ của Tăng H trong nghĩa vụ liên đới là 583.500.000đ).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2024, bị cáo Cao Phạm Thuận H6 có kháng cáo với nội dung không chấp nhận số tiền bị buộc liên đới bồi thường.

Ngày 25/9/2024, bị hại Phạm Huy K, Trương Quốc V có kháng cáo yêu cầu đưa Văn phòng C vào liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ngày 26/9/2024, bị hại Trang Thành L có kháng cáo yêu cầu đưa Văn phòng C vào liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ngày 26/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để về xét xử lại theo hướng đưa Văn phòng C vào liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N trình bày nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu đưa Văn phòng C vào liên đới bồi thường. Bản án sơ thẩm xác định lỗi của bị đơn dân sự nhưng không đưa Văn phòng công chứng vào liên đới bồi thường là không đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 38 Luật Công chứng, bị cáo Hùng E, T5 là nhân viên của Văn phòng công chứng gây thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, Văn phòng C có lỗi và phải bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự. Ngoài ra, theo cáo trạng của Viện kiểm sát sơ thẩm xác định Văn phòng công chứng có lỗi vi phạm Luật công chứng, bị cáo là nhân viên của Văn phòng công chứng có lỗi nên Văn phòng công chứng phải có trách nhiệm bồi thường.

Luật sư S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Văn phòng C trình bày: Kháng cáo của các nguyên đơn dân sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là không có căn cứ. Căn cứ Điều 42 BLHS 1999 thì Văn phòng Công chứng không chỉ đạo, tiếp tay, giúp sức cho các bị cáo chiếm đoạt tài sản của nguyên đơn dân sự, do đó Văn phòng công chứng không có trách nhiệm liên đới bồi thường. Văn phòng công chứng không có lỗi nên

không phải bồi thường do nhiều người gây ra. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Các bị cáo Hùng E, T5 đã giúp sức cho các bị cáo H6, M để chiếm đoạt tiền của các nguyên đơn dân sự do đó Văn phòng công chứng phải có trách nhiệm bồi thường do có lỗi, không phải do số tiền chiếm đoạt. Bản án sơ thẩm đã xét xử là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận kháng cáo của ông H6, hủy một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Cao Phạm Thuận H6, bị hại Phạm Huy K, Trương Quốc V, bị hại Trang Thành L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2] Đối với số tiền thiệt hại còn lại phải bồi thường mà các nguyên đơn dân sự yêu cầu đã được thể hiện tại các Bản án trước và các bị đơn dân sự là người bị kết án cũng thừa nhận.

[3] Trong quá trình điều tra các bị đơn dân sự đã nộp bồi thường gồm: ông H6 1.400.000.000đ (ông H6 gửi bà D 400.000.000đ, 500.000.000đ ông H6 gửi bà S1, 500.000.000đ ông H6 gửi bà Thu T2) ông M 140.000.000đ (ông M 100.000.000đ, ông T5 nộp thay cho ông M 40.000.000đ), ông Hùng E 220.000.000đ, ông T5 170.000.000đ. Số tiền này các nguyên đơn dân sự đã nhận và số tiền còn lại chưa nhận bồi thường, cụ thể như sau:

Ông Trương Quốc V và bà Phan Kim VI:

+ Số tiền đã nhận bồi thường **356.980.000đ**, gồm: **280.000.000đ** (ông H6 bồi thường trong số tiền 1.400.000.000đ) + **30.000.000đ** (ông M bồi thường trong số tiền 140.000.000đ) + **26.980.000đ** (ông Hùng E bồi thường trong số tiền 220.000.000đ) + **20.000.000đ** (ông T5 bồi thường trong số tiền 170.000.000đ)

+ Số tiền còn lại tiếp tục bồi thường: 630.000.000đ (tổng số tiền bị chiếm đoạt vụ thứ 3) - 356.980.000đ (đã nhận bồi thường) = **273.020.000đ** (số tiền còn lại tiếp tục bồi thường).

Ông Trang Thành L và bà Tô Tú Q:

+ Số tiền đã nhận bồi thường **756.760.000đ**, gồm: **560.000.000đ** (ông H6 bồi thường trong số tiền 1.400.000.000đ) + **55.000.000đ** (ông M bồi thường trong số tiền 140.000.000đ) + **81.760.000đ** (ông Hùng E bồi thường trong số

tiền 220.000.000đ) + **60.000.000đ** (ông T5 bồi thường trong số tiền 170.000.000đ)

+ Số tiền còn lại tiếp tục bồi thường: 1.720.000.000đ (chiếm đoạt vụ thứ 4 là 820.000.000đ + vụ thứ 6 là 900.000.000đ) - 756.760.000đ (đã nhận bồi thường) = **963.240.000đ** (số tiền còn lại tiếp tục bồi thường).

Ông Phạm Huy K và bà Phạm Thị H:

+ Số tiền đã nhận bồi thường **816.260.000đ**, gồm: **560.000.000đ** (ông H bồi thường trong số tiền 1.400.000.000đ) + **55.000.000đ** (ông M bồi thường trong số tiền 140.000.000đ) + **111.260.000đ** (ông Hùng E bồi thường trong số tiền 220.000.000đ) + **90.000.000đ** (ông T5 bồi thường trong số tiền 170.000.000đ)

+ Số tiền còn lại tiếp tục bồi thường: 1.825.000.000đ (chiếm vụ thứ 4 là 935.000.000đ + vụ thứ 7 là 890.000.000đ) - 816.260.000đ (đã nhận bồi thường) = **1.008.740.000đ** (số tiền còn lại tiếp tục bồi thường).

[4] Hiện nay số tiền 255.700.000đ hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được xử lý như sau:

- Ông V và bà V1 nhận 35.146.000đ.

- Ông L và bà Q1 111.074.000đ.

- Ông K và bà H nhận 109.480.000đ.

[5] Đối trừ số tiền các nguyên đơn dân sự sau khi nhận tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, số tiền còn lại được bồi thường là:

Ông Trương Quốc V và bà Phan Kim V1: 237.874.000đ (số tiền được bồi thường và xác định trách nhiệm bồi thường)

Ông Trang Thành L và bà Tô Tú Q: 852.166.000đ (số tiền được bồi thường và xác định trách nhiệm bồi thường)

Ông Phạm Huy K và bà Phạm Thị H: 899.260.000đ (số tiền được bồi thường và xác định trách nhiệm bồi thường).

[6] Xác định trách nhiệm bồi thường:

- Trách nhiệm bồi thường của ông H, ông M, ông Hùng E và ông T5:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 587 của Bộ luật Dân sự quy định về bồi thường thiệt hại do nhiều người gây ra buộc ông H, ông M, ông Hùng E và ông T5 đã cố ý chiếm đoạt tiền của các nguyên đơn dân sự nên cả 04 người phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại, cụ thể: ông V và bà V1 là 237.874.000đ, ông L và bà Q là 852.166.000đ, ông K và bà H là 899.260.000đ.

Để xác định phần mức độ lỗi trong nghĩa vụ liên đới, mức độ lỗi của mỗi người: ông H, ông M, ông Hùng E và ông T5 căn cứ vào số tiền từng người đã nhận trong tổng số tiền chiếm đoạt làm căn cứ xác định mức độ lỗi tương ứng là không có căn cứ.

Về xác định trách nhiệm bồi thường của Văn phòng C:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo khoản 1 Điều 38 của Luật Công chứng quy định về bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng; Xác định ông Hùng E và ông T5 là nhân viên của Văn phòng C đã gây ra và đã bồi thường trách nhiệm dân sự trên phần lỗi của ông Hùng E và ông T5 nên buộc ông Hùng E và ông T5 có trách nhiệm liên đới bồi thường mà không áp dụng trách nhiệm liên đới bồi thường đối với Văn phòng C, từ đó cho rằng Văn phòng C không có trách nhiệm liên đới bồi thường và chỉ bồi thường trên phần lỗi của nhân viên (ông Hùng E, ông T5) nhưng nhân viên đã thực hiện xong nên Văn phòng C không có trách nhiệm bồi thường phần còn lại là không có căn cứ.

Các bị cáo Hùng E, T5 đã giúp sức cho các bị cáo H, M để chiếm đoạt tiền của các nguyên đơn dân sự, vì vậy Văn phòng công chứng phải có trách nhiệm bồi thường do căn cứ vào lỗi của nhân viên Văn phòng C, chứ không phải căn cứ vào số tiền của nhân viên Văn phòng C.

Từ những phân tích trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót, giải quyết vụ án không triệt để, chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn dân sự, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Cao Phan Thuận H1.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết phần xử lý vật chứng là do Bản án số 592/2022/HS-PT ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm đã tuyên hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phần xử lý vật chứng, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiếp tục giải quyết xử lý vật chứng là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phần này.

[7]. Quan điểm của Kiểm sát viên được chấp nhận một phần.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9]. Về án phí phúc thẩm hình sự: Các đương sự không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn dân sự là bị hại Phạm Huy K, Trương Quốc V, Trang Thành L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau) về phần giải quyết dân sự, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo quy định pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án DS tỉnh Cà Mau;
- Trại Tạm giam số 02 CA. tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Các bị cáo (Trại giam tổng đạt);
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt